BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2096 /QĐ-MĐC	*Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm giáo viên chủ nhiệm K70 năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-MĐC ngày 31/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về giáo viên chủ nhiệm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo làm Giáo viên chủ nhiệm K70 năm học 2025 - 2026.

Điều 2. Giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định trong Quyết định số 992/QĐ-MĐC ngày 31/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng Phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các Phó Hiệu trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, TCCB(09).

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOÁ 70 TOÀN TRƯỜNG NĂM HỌC 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo QĐ số: 2096 /QĐ-MĐC ngày 18 tháng 9 năm 2025)

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn	Khoa
1	Kỹ thuật điện -K70A1	Đỗ Như Ý	Điện khí hóa XN	Cơ - Điện
2	Kỹ thuật điện-K70A2	Lê Xuân Thành	Điện khí hóa XN	Cơ - Điện
3	Kỹ thuật điện-K70B1	Đỗ Đức Thành	Điện khí hóa XN	Cơ - Điện
4	Kỹ thuật điện-K70B2	Đào Thị Thủy	Điện khí hóa XN	Cơ - Điện
5	Kỹ thuật điện-K70C1	Nguyễn Thị Bích Hậu	Điện khí hóa XN	Cơ - Điện
6	Kỹ thuật điện-K70C2	Phạm Trung Sơn	Điện khí hóa XN	Cơ - Điện
7	Kỹ thuật cơ khí động lực-K70A	Chu Mạnh Cường	Kỹ thuật cơ khí	Cơ - Điện
8	Kỹ thuật cơ khí động lực-K70B	Nguyễn Thành Đức	Kỹ thuật cơ khí	Cơ - Điện
9	Kỹ thuật cơ khí -K70A1	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ thuật cơ khí	Cơ - Điện
10	Kỹ thuật cơ khí -K70A2	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ thuật cơ khí	Cơ - Điện
11	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử K70	Nguyễn Thạc Khánh	Kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ - Điện
12	Kỹ thuật cơ khí - K70B1	Đặng Vũ Đinh	Máy và thiết bị CN	Cơ - Điện
13	Kỹ thuật cơ khí - K70B2	Trần Viết Linh	Máy và thiết bị CN	Cơ - Điện
14	Kỹ thuật ô tô - K70A	Nguyễn Minh Tuấn	Máy và thiết bị CN	Cơ - Điện
15	Kỹ thuật ô tô - K70B	Nguyễn Minh Tuấn	Máy và thiết bị CN	Cơ - Điện
16	Kỹ thuật ô tô - K70C	Nguyễn Thế Hoàng	Máy và thiết bị CN	Cơ - Điện
17	Kỹ thuật Cơ điện tử - K70A	Lê Văn Quang	Máy và thiết bị CN	Cơ - Điện
18	Kỹ thuật Cơ điện tử - K70B	Lê Thị Hồng Thắng	Máy và thiết bị CN	Cơ - Điện
19	Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo K70	Đào Hiếu	Tự động hóa XN Mỏ& DK	Cơ - Điện
20	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá K70	Đào Hiếu	Tự động hóa XN Mỏ& DK	Cơ - Điện
21	Công nghệ thông tin -K70A1	Nguyễn Thị Hữu Phương	Công nghệ phần mềm	Công nghệ thông tin
22	Công nghệ thông tin -K70A2	Hoàng Anh Đức	Công nghệ phần mềm	Công nghệ thông tin
23	Công nghệ thông tin -K70B1	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
24	Công nghệ thông tin- K70B2	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
25	Công nghệ thông tin -K70C1	Đào Thị Tuyết	Mạng máy tính	Công nghệ thông tin
26	Công nghệ thông tin- K70C2	Vũ Lan Phương	Hệ thống thông tin và Tri thức	Công nghệ thông tin

27	Công nghệ thông tin -K70D1	Vũ Thị Kim Liên	Tin học Kinh tế	Công nghệ thông tin
28	Công nghệ thông tin -K70D2	Ngô Thị Phương Thảo	Tin học Trắc địa	Công nghệ thông tin
29	Khoa học dữ liệu -K70A	Phạm Thị Nguyệt	Tin học Kinh tế	Công nghệ thông tin
30	Khoa học dữ liệu -K70B	Trần Thị Hòa	Tin học Trắc địa	Công nghệ thông tin
31	Kỹ thuật hoá học (Chương trình tiên tiến)_K70	Phạm Quang Ba		VP Chương trình tiên tiến
32	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K70A	Phạm Xuân Núi	Lọc - Hóa dầu	Dầu khí và Năng lượng
33	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K70B	Phạm Trung Kiên	Lọc - Hóa dầu	Dầu khí và Năng lượng
34	Kỹ thuật Dầu khí - K70A	Nguyễn Văn Thành	Khoan - Khai thác	Dầu khí và Năng lượng
35	Kỹ thuật Dầu khí - K70B	Bùi Thị Ngân	Địa chất Dầu khí	Dầu khí và Năng lượng
36	Kỹ thuật Địa vật lý K70	Vũ Hồng Dương	Địa vật lý	Dầu khí và Năng lượng
37	Công nghê số trong thăm dò & KT tài nguyên TN K70	Nguyễn Duy Mười	Địa chất dầu khí	Dầu khí và Năng lượng
38	Quản lý dữ liệu khoa học trái đất K70	Vũ Hồng Dương	Địa vật lý	Dầu khí và Năng lượng
39	Kỹ thuật khí thiên nhiên K70	Nguyễn Trần Tuân	Khoan - Khai thác	Dầu khí và Năng lượng
40	Địa chất học - K70	Nguyễn Quốc Hưng	Địa chất	KH & KT Địa chất
41	Du lịch địa chất - K70A	Bùi Văn Hậu	Địa chất	KH & KT Địa chất
42	Du lịch địa chất - K70B	Phan Văn Bình	Địa chất	KH & KT Địa chất
43	Kỹ thuật địa chất K70	Đào Đức Bằng	Địa chất Thuỷ văn	KH & KT Địa chất
44	Quản lý đô thị và công trình K70	Phạm Thị Ngọc Hà	Địa chất Công trình	KH & KT Địa chất
45	Địa kỹ thuật xây dưng K70	Bùi Văn Bình	Địa chất Công trình	KH & KT Địa chất
46	Quản lý tài nguyên khoáng sản K70	Đỗ Mạnh An	Tìm kiếm Thăm dò	KH & KT Địa chất
47	Đá quý Đá mỹ nghệ K70	Nguyễn Trung Thành	Khoáng thạch và Địa hóa	KH & KT Địa chất
48	Kỹ thuật tài nguyên nước - K70	Vũ Thu Hiền	Địa chất Thuỷ văn	KH & KT Địa chất
49	Hóa dược K70	Võ Thị Hạnh	Hóa	Khoa học Cơ bản
50	Ngôn ngữ Anh - K70A1	Vũ Thái Linh	Ngoại ngữ	Khoa học Cơ bản
51	Ngôn ngữ Anh - K70A2	Vũ Thái Linh	Ngoại ngữ	Khoa học Cơ bản
52	Ngôn ngữ Anh - K70B1	Nguyễn Ánh Hoa	Ngoại ngữ	Khoa học Cơ bản
53	Ngôn ngữ Anh - K70B2	Nguyễn Ánh Hoa	Ngoại ngữ	Khoa học Cơ bản
54	Kỹ thuật vật liệu K70	Đỗ Thị Hồng Hải	Vật lý	Khoa học Cơ bản
55	Ngôn ngữ Trung Quốc - K70A1	Trần Thị Thu Hiền	Ngoại ngữ	Khoa học Cơ bản

56	Ngôn ngữ Trung Quốc - K70A2	Trần Thị Thu Hiền	Ngoại ngữ	Khoa học Cơ bản
57	Ngôn ngữ Trung Quốc - K70B1	Dương Thị Mỹ Linh	Ngoại ngữ	Khoa học Cơ bản
58	Ngôn ngữ Trung Quốc - K70B2	Dương Thị Mỹ Linh	Ngoại ngữ	Khoa học Cơ bản
59	Kế toán - K70A1	Phan Minh Quang	Kế toán Doanh nghiệp	Kinh tế & QTKD
60	Kế toán - K70A2	Phan Minh Quang	Kế toán Doanh nghiệp	Kinh tế & QTKD
61	Kế toán - K70B1	Phạm Thu Uyên	Kế toán Doanh nghiệp	Kinh tế & QTKD
62	Kế toán - K70B2	Phạm Thu Uyên	Kế toán Doanh nghiệp	Kinh tế & QTKD
63	Tài chính ngân hàng - K70A	Dương Thị Nhàn	Kế toán Doanh nghiệp	Kinh tế & QTKD
64	Tài chính ngân hàng - K70B	Nguyễn Thị Kim Liên	Kế toán Doanh nghiệp	Kinh tế & QTKD
65	Tài chính ngân hàng - K70C	Nguyễn Thị Kim Liên	Kế toán Doanh nghiệp	Kinh tế & QTKD
66	Quản trị kinh doanh - K70A1	Nguyễn Thu Hà	QTDN Địa chất - DK	Kinh tế & QTKD
67	Quản trị kinh doanh - K70A2	Nguyễn Thu Hà	QTDN Địa chất - DK	Kinh tế & QTKD
68	Quản trị kinh doanh - K70B1	Lê Văn Chiến	QTDN Mỏ	Kinh tế & QTKD
69	Quản trị kinh doanh - K70B2	Phạm Kiên Trung	QTDN Mỏ	Kinh tế & QTKD
70	Quản lý công nghiệp - K70A	Lê Thị Thu Hường	QTDN Mỏ	Kinh tế & QTKD
71	Quản lý công nghiệp - K70B	Lê Thị Thu Hường	QTDN Mỏ	Kinh tế & QTKD
72	Quản lý công nghiệp - K70C	Lê Thị Thu Hường	QTDN Mỏ	Kinh tế & QTKD
73	Khai thác mỏ - K70A	Lê Quang Phục	Khai thác hầm lò	Mỏ
74	Khai thác mỏ - K70B	Phạm Văn Việt	Khai thác lộ thiên	Mỏ
75	Tuyển khoáng - K70	Phùng Tiến Thuật	Tuyển khoáng	Mỏ
76	An toàn vệ sinh lao động K70	Lê Thị Thu Hoa	Khai thác lộ thiên	Mỏ
77	Kỹ thuật Môi trường K70A	Nguyễn Phương Đông	Kỹ thuật Môi trường	Môi trường
78	Kỹ thuật Môi trường K70 B	Nguyễn Quang Minh	Địa sinh thái & CNMT	Môi trường
79	Quản lý Tài nguyên và Môi trường K70A	Phan Thị Mai Hoa	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Môi trường
80	Quản lý Tài nguyên và Môi trường K70B	Nguyễn Văn Bình	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Môi trường
81	Quản lý Tài nguyên và Môi trường K70C	Nguyễn Thị Cúc	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Môi trường
82	Quản lý phát triển đô thị và BĐS - K70A	Nguyễn Thị Bích Phượng	Trắc địa công trình	Trắc địa Bản đồ & QLĐĐ
83	Quản lý phát triển đô thị và BĐS - K70B	Nguyễn Thị Bích Phượng	Trắc địa công trình	Trắc địa Bản đồ & QLĐĐ
84	Địa tin học - K70	Đoàn Thị Nam Phương	Đo ảnh và Viễn thám	Trắc địa Bản đồ & QLĐĐ
85	KT Ttrắc địa-Bản đồ - K70	Lê Ngọc Giang	Trắc địa phổ thông và sai số	Trắc địa Bản đồ & QLĐĐ

86	Quản lý đất đai - K70A	Đặng Thị Hoàng Nga	Địa chính	Trắc địa Bản đồ & QLĐĐ
87	Quản lý đất đai - K70B	Phùng Minh Sơn	Địa chính	Trắc địa Bản đồ & QLĐĐ
88	Kỹ thuật không gian K70	Nguyễn Gia Trọng	Trắc địa cao cấp	Trắc địa Bản đồ & QLĐĐ
89	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - K70	Phạm Văn Hùng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	Xây dựng
90	Kỹ thuật xây dựng - K70A1	Nguyễn Duyên Phong	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	Xây dựng
91	Kỹ thuật xây dựng - K70A2	Nguyễn Duyên Phong	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	Xây dựng
92	Kỹ thuật xây dựng -K70B1	Phạm Thị Nhàn	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng
93	Kỹ thuật xây dựng -K70B2	Ngô Xuân Hùng	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng
94	Kỹ thuật xây dựng -K70C1	Hoàng Đình Phúc	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	Xây dựng
95	Kỹ thuật xây dựng -K70C2	Đặng Quang Huy	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	Xây dựng
96	Quản lý xây dựng -K70	Bùi Văn Đức	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng
97	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm -K70	Trần Tuấn Minh	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	Xây dựng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1288 /QĐ-MĐC	*Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm giáo viên chủ nhiệm năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-MĐC ngày 17/01/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo làm nhiệm vụ giáo viên chủ nhiệm cho các lớp sinh viên năm học 2020 - 2021.

Điều 2. Giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giáo viên chủ nhiệm và Cố vấn học tập ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-MĐC ngày 17/1/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Các Phó Hiệu trưởng (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, TCCB (6).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA DẦU KHÍ
NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-MĐC ngày 08/12/2020)

TT	Họ và tên giáo viên	Đơn vị	Lớp	Ghi chú
1	Phạm Văn Tuấn	Địa chất dầu khí	Địa chất dầu khí 61	
2	Lê Ngọc Ánh	Địa chất dầu khí	Địa chất dầu khí 63	
3	Dương Văn Hào	Địa vật lý	Địa vật lý 61	
4	Trương Văn Từ	Khoan - Khai thác	Khoan - Khai thác 61	
5	Nguyễn Khắc Long	Khoan - Khai thác	Khoan - Khai thác 62	
6	Công Ngọc Thắng	Lọc hóa dầu	Lọc - Hóa dầu 61A	
7	Tống Thị Thanh Hương	Lọc hóa dầu	Lọc - Hóa dầu 61B	
8	Ngô Hà Sơn	Lọc hóa dầu	Công nghệ kỹ thuật hóa học 62	
9	Phạm Trung Kiên	Lọc hóa dầu	Công nghệ kỹ thuật hóa học 63	
10	Nguyễn Văn Thịnh	Thiết bị dầu khí	Thiết bị dầu khí 62	
11	Nguyễn Thanh Tuấn	Thiết bị dầu khí	Thiết bị dầu khí 63	
12	Nguyễn Khắc Long	Khoan - Khai thác	Khoan Khai thác K64	
13	Bùi Thị Lệ Thủy	Lọc hóa dầu	Công nghệ Kỹ thuật hóa học K64	
14	Nguyễn Thị Linh	Lọc hóa dầu	Công nghệ Kỹ thuật hóa học K65	
15	Nguyễn Minh Hòa	Địa chất dầu khí	Kỹ thuật dầu khí K65	

(Tổng số 15 cán bộ)

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA KH&KT ĐỊA CHẤT
NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-MĐC ngày 08/12/2020)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình	DCDCCT - K61	
2	Phạm Thị Thanh Hiền	BM Tìm kiếm – Thăm dò	Địa chất - K61	
3	Nguyễn Thành Dương	BM Địa chất công trình	Kỹ Thuật địa chất -K62	
4	Đỗ Mạnh An	BM Tìm kiếm – Thăm dò	Kỹ thuật địa chất -K63	
5	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn	Kỹ thuật địa chất - K64	
6	Hồ Thanh Bình	Văn phòng Khoa	Kỹ thuật địa chất - K65	

(Tổng số 06 cán bộ)

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA MÔI TRƯỜNG
NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-MĐC ngày 08/12/2020)

TT	Họ và tên GVCN	Đơn vị	Lớp	Ghi chú
1	Trần Thị Thu Hương	Bộ môn Địa sinh thái	DCMTDS - K61	
2	Nguyễn Thị Hòa	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT- K61	
3	Nguyễn Phương Đông	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT - K62	
4	Nguyễn Quang Minh	Bộ môn Địa sinh thái	DCMTDS - K63	
5	Nguyễn Thị Hồng	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	DCMTMT - K64	
6	Phan Thị Mai Hoa	Môi trường Cơ sở	LT+VHVL- K64	
7	Phạm Khánh Huy	Bộ môn Địa sinh thái	DCMTMT - K65	

(Tổng số 07 cán bộ)

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA TRẮC ĐỊA - BĐ&QLĐĐ
NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-MĐC ngày 08/12/2020)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Lớp phụ trách	Ghi chú
1	Phạm Ngọc Quang	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	Trắc địa K61A	
2	Trần Thùy Linh	Bộ môn Trắc địa Công trình	Trắc địa K61B	
3	Hoàng Anh Tuấn	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	Trắc địa K62	
4	Nguyễn Thị Dung	Bộ môn Địa chính	Quản lý đất đai K62	
5	Lê Thị Thanh Tâm	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	Trắc địa K63	
6	Phạm Thị Kim Thoa	Bộ môn Địa chính	Quản lý đất đai K63, K64, K65	
7	Nguyễn Thị Kim Thanh	Bộ môn Trắc địa Công trình	LT Trắc địa K64, Trắc địa K64	
8	Phạm Thị Thanh Hoà	Đo ảnh viễn thám	Địa tin học K64	
9	Phạm Văn Chung	Trắc địa Mỏ	Trắc địa K65	
10	Trần Thị Thanh Hà	Đo ảnh viễn thám	Địa tin học K65	

(Tổng số 10 cán bộ)

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA MỎ
NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-MĐC ngày 08/12/2020)

TT	Họ và tên giáo viên	Đơn vị	Lớp
1	Lê Thị Thu Hoa	Bm Khai thác lộ thiên	Khai thác K61
2	Phạm Thị Nhung	Bm Tuyển khoáng	Tuyển khoáng K61
3	Nguyễn Văn Quang	Bm Khai thác hầm lò	Khai thác K62
4	Phạm Thị Nhung	Bm Tuyển khoáng	Tuyển khoáng K62
5	Lê Quí Thảo	Bm Khai thác lộ thiên	Khai thác K63, Mỏ K65 Quảng Nam; Khai thác Mỏ K65-B2 Hà Nội
6	Phạm Văn Luận	Bm Tuyển khoáng	Tuyển khoáng K63
7	Nguyễn Hồng Cường	Bm Khai thác hầm lò	Khai thác mỏ K64
8	Vũ Thị Chinh	Bm Tuyển khoáng	Tuyển khoáng K64
9	Trần Đình Bão	Bm Khai thác lộ thiên	Mỏ K65
10	Trần Trung Tới	Bm Tuyển khoáng	Tuyển khoáng K65

(Tổng số 10 cán bộ)

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA KINH TẾ & QTKD
NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-MĐC ngày 08/12/2020)

STT	Họ Và Tên	Đơn vị	Lớp Chủ nhiệm
1	Phạm Thu Hương	Bộ môn KTDN	Kế toán doanh nghiệp A,E K62
2	TNguyễn Tiến Hưng	Bộ môn KTDN	Kế toán doanh nghiệp B,C K62
3	Nguyễn Thị Kim Oanh	Bộ môn KTDN	Kế toán doanh nghiệp D K62
4	Hoàng Thị Thủy	Bộ môn KTDN	Kế toán doanh nghiệp A,B K63
5	Nguyễn Thị Minh Thu	Bộ môn KTDN	Kế toán doanh nghiệp C,D K63
6	Lưu Thị Thu Hà	Bộ môn KTDN	Kế toán doanh nghiệp E,G K63
7	Phạm Thị Hồng Hạnh	Bộ môn KTDN	Kế toán A K64, Kế toán D K64
8	Nguyễn Thị Huyền Trang	Bộ môn KTDN	Kế toán B1 K65, Kế toán B2 K65
9	Dương Thị Nhàn	Bộ môn KTDN	Kế toán C K64, Kế toán B K64
10	Phan Minh Quang	Bộ môn KTDN	Kế toán A1 K65, Kế toán A2 K65
11	Phí Thị Kim Thư	Bộ môn KTDN	Tài chính - Ngân hàng K64, Tài chính - Ngân hàng K65A, Tài chính - Ngân hàng K65B
12	Lê Thị Thu Hồng	Bộ môn KTDN	Kế toán C K65
13	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN Dầu	Lớp QTKD A K64, Lớp QTKD B K64, Lớp QTKD C K64
14	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN Dầu	Lớp QTKD A K63, Lớp QTKD B K63
15	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Dầu	QTKD A1 K65, QTKD A2 K65, QTKD C2 K65
16	Nguyễn Lan HoàngThảo	BM QTDN Dầu	QTKD A, B và QTKD DK K62
17	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ	QTKD Mỏ K62
18	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ	Quản trị TMĐT K64 A, Quản trị TMĐT K64 B
19	Phan Thị Thùy Linh	BM QTDN Mỏ	QTKD C1 K65
20	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ	Quản trị TMĐT K63 A
21	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ	Quản trị TMĐT K63 B
22	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTDN Mỏ	QTKD B1 K65, QTKDB2 K65

(Tổng số 22 cán bộ)

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-MĐC ngày 08/12/2020)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Lớp
1	Hồ Thị Thảo Trang	BM Công nghệ phầm mềm	CN Phần mềm C, D K62
2	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phầm mềm	CN Phần mềm A, B K61
3	Nguyễn Thế Lộc	BM Công nghệ phầm mềm	CN Phần mềm C, D K61
4	Nguyễn Thị Thanh	BM Công nghệ phầm mềm	CN Phần mềm A,B K62
5	Đặng Hữu Nghị	BM Công nghệ phầm mềm	CN Phần mềm A K63
6	Phạm Văn Đồng	BM Công nghệ phầm mềm	CN Phần mềm B K63
7	Hoàng Anh Đức	BM Công nghệ phầm mềm	CNTT E-K64
8	Nguyễn Duy Huy	BM Khoa học máy tính UD	Khoa học máy tính UD B K61
9	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Khoa học máy tính UD	Khoa học máy tính UD A,B K 62
10	Nguyễn Thùy Dương	BM Khoa học máy tính UD	CNTT C-K64
11	Nông Thị Oanh	BM Khoa học máy tính UD	Khoa học máy tính UD A K61, A K63
12	Đặng Văn Nam	BM Khoa học máy tính UD	Khoa học máy tính UD B, C K63
13	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin học trắc địa	Công nghệ thông tin Địa học K63 A
14	Trần Trung Chuyên	BM Tin học trắc địa	Công nghệ thông tin Địa học K63 B
15	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học trắc địa	CNTT G-K64
16	Đào Anh Thư	BM Mạng máy tính	Mạng máy tính BK61
17	Đặng Quốc Trung	BM Mạng máy tính	Mạng máy tính K61A,
18	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính	Mạng máy tính K62C
19	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính	Mạng máy tính K62B
20	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính	Mạng máy tính K63 B
21	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính	Mạng máy tính K63A, CNTT F-K64
22	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính	Mạng máy tính K63 C, Mạng máy tính K62A
23	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế	Tin học Kinh tế K63 A
24	Phạm Quang Hiển	BM Tin học Kinh tế	Tin học Kinh tế K63 B
25	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Kinh tế	Tin học Kinh tế K62
26	Võ Thị Thu Trang	BM Tin học Kinh tế	Tin học Kinh tế K61
27	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế	CNTT A-K64
28	Bùi Thị Vân Anh	BM Hệ thống thông tin và Tri thức	HTTT và TT A K63
29	Vũ Lan Phương	BM Hệ thống thông tin và Tri thức	HTTT và TT B K63
30	Đào Thu Vân	BM Hệ thống thông tin và Tri thức	CNTT B-K64
31	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất	CNTT H-K64
32	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất	CNTT D-K64
33	Nguyễn Thùy Dương	Khoa học máy tính	CNTT A1 K65
34	Nguyễn Tuấn Anh	Tin học Trắc địa	CNTT A2 K65

35	Vũ Lan Phương	HTTT và Tri thức	CNTT B1-K65
36	Vương Như Quỳnh	HTTT và Tri thức	CNTT B2-K65
37	Dương Thị Tâm	Tin học Địa chất	CNTT C1-K65
38	Nguyễn Thế Bình	Tin học Kinh tế	CNTT C2-K65
39	Phạm Thị Nguyệt	Tin học Kinh tế	CNTT D1-K65
40	Đinh Bảo Ngọc	Tin học Trắc địa	CNTT D2-K65
41	Trần Mai Hương	Tin học Trắc địa	CNTT E1 -K65
42	Nguyễn Thị Hữu Phương	Công nghệ phần mềm	CNTT E2 -K65

(Tổng số 42 cán bộ)

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA CƠ - ĐIỆN
NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-MĐC ngày 08/12/2020)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Lớp
1	Đoàn Kim Bình	BM Kỹ thuật cơ khí	Chế tạo máy A, B K61
2	Kim Cẩm Ánh	BM KT Điện – Điện tử	Điện tử A, B, C K61
3	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa	Điện khí hóa K61, Kỹ thuật điện K65
4	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa	Hệ thống điện A K61, Điện khí hóa K62
5	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa	Hệ thống điện B K61
6	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí	Máy & TĐ thủy khí K61
7	Đoàn Văn Giáp	BM Máy và TBCN	Máy & TB mỏ K61
8	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa	Tự động hóa A, B, C, D K61
9	Phạm Tuấn Long	BM Kỹ thuật cơ khí	Chế tạo máy K62
10	Trần Viết Linh	BM Máy và TBCN	Cơ khí ô tô K62
11	Hà Thị Chúc	BM KT Điện – Điện tử	Điện tử A, B K62
12	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa	Hệ thống điện K62
13	Đào Hiếu	BM Tự động hóa	Tự động hóa A, B K62
14	Nguyễn Đăng Tấn	BM Máy và TBCN	Cơ khí ô tô K63
15	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật cơ khí	Chế tạo máy K63
16	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa	Hệ thống điện K63
17	Nguyễn Trường Giang	BM KT Điện – Điện tử	Kỹ thuật điện K63
18	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa	Tự động hóa A, B, C K63, Liên thông K63
19	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa	Điện công nghiệp K63
20	Nguyễn Tiến Sỹ	BM KT Điện – Điện tử	Điện - Điện tử K64
21	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa	Điện công nghiệp, Hệ thống điện K64
22	Kiều Đức Thịnh	BM Máy và TBCN	Cơ khí ô tô K64
23	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật cơ khí	Chế tạo máy K64
24	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa	Tự động hóa A, B K64, Liên thông TĐH K64
25	Trần Đức Huân	BM Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí K65
26	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa	Tự động hóa K65

(Tổng số 26 cán bô)

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA XÂY DỰNG
NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-MĐC ngày 08/12/2020)

STT	GVCN	Đơn vị	Lớp
1	Nguyễn Duyên Phong	Công trình ngầm và Mỏ	XD CTN&Mỏ - K61
2	Trần Tuấn Minh	Công trình ngầm và Mỏ	XD CTNgầm - K61
3	Bùi Anh Thắng	Hạ tầng cơ sở	XDHTCS - K61
4	Bùi Văn Đức	Kỹ thuật Xây dựng	XD DD&CN A - K61
			XD DD&CN B - K61
5	Vũ Minh Ngạn	Công trình ngầm và Mỏ	XD HTCS - K62
6	Tăng Văn Lâm	Kỹ thuật Xây dựng	XD DD&CN - K62
7	Nguyễn Xuân Mãn	Kỹ thuật Xây dựng	XD DD&CN - K63
8	Đỗ Ngọc Thái	Công trình ngầm và Mỏ	XD CTN - K63
9	Phạm Văn Hùng	Hạ tầng cơ sở	XD HTCS - K63
10	Phạm Thị Nhàn	Kỹ thuật Xây dựng	XD DD&CN K64
11	Phạm Thanh Huyền	VP Khoa	XD K65

(Tổng số 11 cán bộ)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 992 /QĐ-MĐC	*Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về Giáo viên chủ nhiệm

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ -CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/04/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định 1325/QĐ-BGDĐT ngày 25/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đính chính thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế công tác sinh viên đối với sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ- Địa chất về việc ban hành Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường - Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Nghị quyết số 178/NQ-HĐT ngày 19/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-HĐT ngày 10/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về soạn thảo, ban hành quy định nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết 176/QĐ-HĐT ngày 19/12/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ-Địa chất về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-HĐT ngày 30/7/2024 về việc phê duyệt chủ trương ban hành "Quy định về Giáo viên chủ nhiệm" và "Quy định về Quy trình xử lý với các tình huống khẩn cấp, bất thường liên quan đến sinh viên tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **"Quy định về Giáo viên chủ nhiệm"**.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Đảng uỷ, HĐT (để b/cáo); - PHT (để p/h chỉ đạo); - Như Điều 3 (để t/hiện); - HUMG eOFFICE; - Lưu: HCTH, CTSV.	**HIỆU TRƯỞNG** TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH VỀ GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ban hành kèm theo QĐ số...992...ngày 31 tháng 7... năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ-Địa chất)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định chế độ làm việc đối với viên chức Trường Đại học Mỏ - Địa chất làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp (sau đây gọi chung là GVCN) cho các lớp quản lý sinh viên (QLSV) được đào tạo theo học chế tín chỉ, bao gồm: nhiệm vụ; quyền hạn; thời gian và nội dung GVCN làm việc với lớp và với sinh viên (SV), chế độ báo cáo; quyền lợi; khen thưởng và kỷ luật đối với GVCN.

Điều 2. Mục đích của quy định

1. Thực hiện nhiệm vụ của giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Làm căn cứ cho viên chức thực hiện nhiệm vụ GVCN, là cơ sở để khoa, các Phòng ban có liên quan và Trường thực hiện quản lý, giáo dục sinh viên theo đúng quy chế, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như công tác quản lý, xây dựng đội ngũ công chức, viên chức của Nhà trường.

3. Là một trong những cơ sở để đánh giá, bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm.

Điều 3. Những quy định chung đối với giáo viên chủ nhiệm

1. GVCN là chức danh được Hiệu trưởng bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng khoa và Phòng Công tác chính trị sinh viên (CTSV) để phục vụ công tác đào tạo và quản lý sinh viên. Một GVCN có thể đảm nhiệm công tác quản lý cho một lớp hay nhiều lớp sinh viên theo ngành học.

2. GVCN được lựa chọn từ các viên chức của Nhà trường đã tốt nghiệp đại học và đảm bảo theo các tiêu chuẩn sau:

- Nắm vững các quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định và nội quy của Nhà trường liên quan đến sinh viên.
- Nắm vững mục tiêu giáo dục đại học; nội dung, chương trình đào tạo của ngành học trong trường; phương pháp dạy, học và nghiên cứu của ngành học; chuẩn đào tạo của ngành đào tạo; kế hoạch đào tạo của Nhà trường.
- Có tinh thần trách nhiệm trong công tác.

3. GVCN được phân công vào đầu mỗi khoá học, được cập nhật thông tin đầu mỗi năm học và theo suốt cả khóa đào tạo của lớp quản lý sinh viên.

4. Quy trình bổ nhiệm giáo viên: Đầu mỗi năm học, căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, GVCN ở mỗi khoa do Trưởng khoa/Trưởng đơn vị lựa chọn từ các viên chức của khoa hoặc của các đơn vị trong trường, phối hợp với phòng CTSV trình Hiệu trưởng ban hành

quyết định phân công GVCN. Khi có sự thay đổi GVCN vì lý do công tác hoặc lý do bất khả kháng giữa các học kỳ, quy trình bổ nhiệm cũng tiến hành tương tự theo quy trình trên.

Điều 4. Chế độ báo cáo đối với GVCN

GVCN thực hiện chế độ báo cáo cụ thể như sau:

- Báo cáo định kỳ hàng tháng tình hình lớp sinh viên được giao phụ trách với lãnh đạo đơn vị Khoa, Trường.
- Báo cáo thường kỳ những vấn đề liên quan đến công tác sinh viên cho phòng CTSV trong Hội nghị giao ban công tác Quý thường niên.
- Báo cáo nội dung và kết luận tại các cuộc họp với lớp được giao phụ trách.
- Báo cáo đột xuất các trường hợp sinh viên gặp khó khăn đặc biệt cần được giúp đỡ với lãnh đạo Khoa, Phòng CTSV và Nhà trường.
- Báo cáo đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với lớp và sinh viên của lớp được giao phụ trách công tác giáo viên chủ nhiệm.

Các biểu mẫu báo cáo chi tiết được cho ở **Phụ lục 1A, Phụ lục 1B**

Điều 5. Nhiệm vụ của GVCN

1. Làm công tác giáo viên chủ nhiệm cho một hay nhiều lớp sinh viên để tư vấn về chương trình, kế hoạch học tập. Duyệt đăng ký học tập tín chỉ của sinh viên thuộc lớp được phân công phụ trách. Hướng dẫn sinh viên của lớp phụ trách điều chỉnh kế hoạch học tập ở các kỳ học cho phù hợp với năng lực, mức cảnh báo và hoàn cảnh cụ thể của sinh viên.

2. Động viên sinh viên lớp phụ trách tích cực tham gia các phong trào, các hoạt động ngoại khóa do các đơn vị có liên quan tổ chức.

3. Theo dõi và đánh giá toàn diện về học tập và rèn luyện của sinh viên thuộc lớp phụ trách.

4. Tùy theo yêu cầu cụ thể, GVCN tham gia các phiên họp của các Hội đồng khen thưởng/kỷ luật hoặc cung cấp ý kiến liên quan đến công tác học tập, rèn luyện của sinh viên thuộc lớp được phụ trách.

5. Phối hợp với Ban chủ nhiệm Khoa, Phòng CTSV, Phòng Đào tạo Đại học và các đơn vị có liên quan của Nhà trường trong việc tư vấn, hướng dẫn, xử lý các trường hợp cảnh báo học tập của sinh viên; thực hiện công tác cảnh báo học tập sớm, các công tác quản lý sinh viên khác được quy định tại Quy chế quản lý sinh viên của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu tại Điều 4 của Quy định này.

7. Ký các văn bản: Kết quả kiện toàn Ban cán sự lớp, danh sách kết quả rèn luyện, danh sách đề nghị khen thưởng, kỷ luật sinh viên của lớp được giao phụ trách; thực hiện chấm, lưu trữ kết quả điểm rèn luyện như **Phụ lục 2**.

8. Lập kế hoạch sinh hoạt lớp và lịch làm việc với lớp, tiếp sinh viên của lớp phụ trách để trợ giúp, **tư vấn học tập, rèn luyện** và các vấn đề xã hội liên quan. Kế hoạch sinh

hoạt và làm việc với lớp theo lịch sinh hoạt lớp định kỳ của Nhà trường hoặc theo lịch không định kỳ căn cứ thực trạng học tập, rèn luyện của lớp sinh viên.

Điều 6. Thời gian GVCN làm việc với lớp và sinh viên

1. Họp định kỳ hàng tháng với Ban Cán sự lớp được giao phụ trách, họp định kỳ **hàng quý** với lớp được giao để thực hiện công tác GVCN.

2. Tiếp sinh viên của lớp được giao phụ trách theo các hình thức thích hợp (trực tiếp tại công sở, trao đổi qua Email, điện thoại,...) theo lịch đã được công bố, đặc biệt chú ý vào thời gian đăng ký học tín chỉ lần 1 và lần điều chỉnh khối lượng học tập của mỗi một học kỳ chính hay học kỳ phụ, các đợt xét học bổng khuyến khích học tập và xét khen thưởng, sơ kết, tổng kết học kỳ và năm học.

3. Dự đại hội lớp, sơ kết, tổng kết của lớp được giao nhiệm vụ làm GVCN.

4. Thực hiện sinh hoạt lớp theo lịch chung của Nhà trường.

Điều 7. Nội dung GVCN làm việc với lớp và với sinh viên

1. Phổ biến kế hoạch, đánh giá thực hiện kế hoạch công tác của lớp trên cơ sở quán triệt thực hiện kế hoạch công tác, kế hoạch đào tạo của trường và của Khoa.

2. Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu chương trình đào tạo, giới thiệu, phổ biến các học phần học tập trong học kỳ tương ứng với nhiệm kỳ cố vấn học tập, hướng dẫn sinh viên đăng ký học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của sinh viên.

3. Quán triệt thực hiện các chủ trương, các nhiệm vụ, các cuộc vận động nhằm xây dựng tập thể lớp sinh viên theo kế hoạch của Nhà trường, thông báo tình hình chung về hoạt động rèn luyện, học tập của lớp sinh viên được chủ nhiệm.

4. Cụ thể hoá những nội dung được nêu ở Điều 5, Điều 8, chú trọng thực hiện các nội dung đối với đầu kỳ học, sơ kết học kỳ I và tổng kết năm học.

Điều 8. Quyền hạn và quyền lợi của GVCN

1. Duyệt bản kế hoạch đăng ký khối lượng học tập của sinh viên được phân công phụ trách. Có quyền không duyệt bản đăng ký nếu sinh viên vi phạm các quy định về quy chế đào tạo hoặc không đáp ứng các quy định khác của Nhà trường.

2. Có quyền tham gia các phiên họp Hội đồng về đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, xét học bổng khi xem xét các vấn đề liên quan đến sinh viên thuộc lớp phụ trách. Có quyền phát biểu, phản biện, đề xuất ý kiến bằng văn bản trình Khoa, Lãnh đạo Nhà trường xem xét để đảm bảo quyền lợi chính đáng về học tập, rèn luyện cho sinh viên thuộc lớp quản lý.

3. Có quyền đề nghị các đơn vị có liên quan cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ cho công tác GVCN.

4. Có quyền kết nối với gia đình sinh viên để thực hiện trách nhiệm được phân công trong khuôn khổ tác vụ của GVCN.

5. Được hưởng chế độ miễn giảm giờ giảng dạy theo chế độ làm việc của giảng viên.

6. Được hưởng phụ cấp trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm tùy theo mức độ hoàn

thành công việc được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế đánh giá phân loại viên chức của Nhà trường. Bảng tiêu chí đánh giá thực hiện tác vụ của GVCN được quy định tại **Phụ lục 3** của Quy định này.

7. GVCN được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

Điều 9. Khen thưởng và kỷ luật

1. GVCN hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm học được Hiệu trưởng tuyên dương hoặc được xem xét danh hiệu thi đua và tặng giấy khen theo từng năm học. Tỷ lệ GVCN được khen thưởng sẽ do hội đồng họp xét, đánh giá GVCN và quyết định theo từng năm học nhưng không quá 30% số GVCN của toàn trường.

2. GVCN không hoàn thành nhiệm vụ sẽ bị phê bình hoặc xét các hình thức kỷ luật theo quy định của Nhà trường.

3. Việc đánh giá GVCN được chi tiết hoá theo từng Học kỳ tại **Phụ lục 3** và tổng hợp theo năm học.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản hồi các ý kiến đóng góp về CTSV để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi bổ sung.

3. Trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc và trực thuộc Trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1A

BIÊN BẢN SINH HOẠT LỚP

Lớp: ..... **Khoa:** .....

1. Thời gian: .....

2. Địa điểm: .....

3. Thành phần:

- Chủ trì (Giáo viên chủ nhiệm): ..... ĐT: .....
- Lớp trưởng: ..... ĐT: .....
- Số sinh viên tham gia/ Tổng số sinh viên: .....
- Số sinh viên vắng mặt/ Tổng số sinh viên: .....
- Lý do vắng mặt: .....

4. Nội dung sinh hoạt:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Ý kiến góp ý - Chương trình Đào tạo, công tác QLSV...:

.....

.....

.....

.....

.....

6. Kết luận:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

LỚP TRƯỞNG	**GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1B

BÁO CÁO ĐỊNH KÌ/ ĐỘT XUẤT

(Về việc: .....)

1. Họ và tên: .....

2. Giáo viên chủ nhiệm lớp: .....

3. Nội dung báo cáo:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Kết luận:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ	**GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

Phụ lục 2

QUY TRÌNH XÁC NHẬN, LƯU TRỮ ĐIỂM RÈN LUYỆN

Điểm rèn luyện của sinh viên chính quy trường Đại học Mỏ-Địa chất được lưu trữ và hiển thị như một học phần trên bảng điểm cá nhân của sinh viên. Điểm rèn luyện được đánh giá tại các đợt sinh hoạt lớp chính thức (do các thầy cô giáo viên chủ nhiệm chủ trì) hoặc đánh giá tại các đợt sinh hoạt lớp bổ sung để kê khai và hoàn thiện điểm rèn luyện cho các sinh viên còn thiếu điểm rèn luyện các học kỳ trước đó vì những lý do bất khả kháng.

Chu trình chấm, cập nhật điểm rèn luyện lên hệ thống trong các đợt **sinh hoạt lớp thường kỳ đầu mỗi học kỳ** do GVCN phụ trách, cụ thể như sau:

1. Điểm rèn luyện được chấm công khai trong buổi sinh hoạt lớp với sự tham gia của ít nhất 50% thành viên trong danh sách lớp quản lý sinh viên.

2. Sau khi đạt được ý kiến thống nhất, đồng thuận của đa số các thành viên trong buổi sinh hoạt lớp về kết quả điểm rèn luyện, bảng điểm riêng lẻ của từng cá nhân và bảng điểm tổng hợp của cả lớp sẽ được ký đủ các chữ ký thành phần, tập hợp bản cứng nộp về khoa chủ quản, bản mềm (được GVCN phê duyệt) lớp trưởng lớp QLSV sẽ tập hợp và gửi email cho chuyên viên/lãnh đạo khoa chủ quản, email cần CC cho cả GVCN để theo dõi và giám sát và coi như minh chứng của điểm rèn luyện của sinh viên trong học kỳ.

3. Văn phòng khoa chủ quản thực hiện đối soát bản cứng từng phiếu điểm rèn luyện, bảng điểm tổng hợp, và file mềm dữ liệu tổng hợp, nếu chính xác, chuyên viên/lãnh đạo Khoa sẽ thực hiện đẩy (upload) dữ liệu lên hệ thống quản lý đào tạo chung của Nhà trường.

4. Khi phát hiện có sai sót về dữ liệu Điểm rèn, sinh viên thực hiện kiến nghị theo chu trình sau:

+ Bước 1: Làm đơn theo mẫu (thủ tục 33) được đăng tải tại website humg.edu.vn/mot-cua.

+ Bước 2: Nộp đơn tại bộ phận 1 cửa kèm minh chứng (ảnh chụp bảng điểm/file mềm dữ liệu mà lớp trưởng gửi email cho GVCN và VP Khoa)

+ Bước 3: Nhận kết quả và chờ hệ thống đồng bộ để hiển thị đúng trên tài khoản cá nhân.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 3

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GVCN

(Ban hành kèm theo qđ số .../QĐ-MĐC Ngày tháng năm 2024)

Họ và tên:.....Đơn vị:.....
Lớp chủ nhiệm: .....Khoa:.....
Học kỳ: ..... Năm học: 201... - 201...

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Điểm	CB tự đánh giá	Đơn vị đánh giá	Nhà trường	Ghi chú
A.	**PHẦN ĐIỂM HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ**	**60**				
A.1	**CÔNG TÁC NGHIỆP VỤ CHỦ NHIỆM LỚP (30 điểm)**	**30**				
A.1.1	Có và cập nhật đầy đủ danh sách thông tin cá nhân của từng sinh viên (Bao gồm cả địa chỉ liên hệ cá nhân, gia đình, thông tin nội/ngoại trú...).	10				
A.1.2	Cập nhật danh sách sinh viên thuộc chế độ chính sách, miễn giảm học phí, có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên tham gia BHYT, BHTT...	5				
A.1..3	Triển khai đầy đủ các buổi sinh hoạt lớp (Có biên bản nội dung sinh hoạt, danh sách điểm danh, biên bản chấm ĐRL, xét HBKKHT)	8				
A.1.4	Có sổ tay ghi chép các nội dung tư vấn thảo luận hỗ trợ sinh viên và gia đình	3				
A.1.5	Có sổ tay GVCN (có xác nhận của Khoa chủ quản) về công tác GVCN.	4				
A.2	**CÔNG TÁC TƯ VẤN HỌC TẬP (30 điểm)**	**30**				
A.2.1	Triển khai tư vấn kế hoạch đăng ký môn học, học tập vào mỗi đợt đăng ký môn học (có biên bản xác nhận)	10				
A.2.2	Sàng lọc, tư vấn cho sinh viên có học lực yếu trong mỗi đợt đăng ký môn học (tổng hợp vào sổ tay GVCN theo mẫu)	10				
A.2.3	Báo cáo nhanh sàng lọc kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ, phục vụ công tác cảnh báo sớm	10				
B.	**PHẦN ĐIỂM THƯỞNG**	**40**				
B.1	**Kết quả học tập học kỳ (tối đa 5 điểm)**	**5**				
B.1.1	Lớp có tỷ lệ sinh viên học tập bình thường đạt ≥ 80%	5				
B.1.2	Lớp có tỷ lệ sinh viên học tập bình thường đạt ≥ 60% đến cận 80%	4				
B.1.3	Lớp có tỷ lệ sinh viên học tập bình thường đạt ≥ 50% đến cận 60%	3				
B.2	**Xếp loại kết quả học tập (tối đa 5 điểm)**	**5**				
B.2.1	Lớp có tỷ lệ sinh viên đạt TBTHK từ 2.5 trở lên ≥ 40%	5				
1.5	Lớp có tỷ lệ sinh viên đạt TBTHK từ 2.5 trở lên ≥ 30% đến cận 40%	3				
1.6	Lớp có tỷ lệ sinh viên đạt TBTHK từ 2.5 trở lên ≥ 20% đến cận 30%	2				
B.3	**Tham gia NCKH-Thi Olimpic (tối đa 10 điểm)**	**10**				
B.3.1	Lớp có sinh viên tham gia thi Olympic cấp trường (3 điểm) hoặc các cuộc thi Olimpic cấp quốc gia (5 điểm).	Tối đa 5				
B.3.2	Lớp có sinh viên tham gia NCKH từ cấp trường (3 điểm) hoặc các cuộc thi sáng tạo sản phẩm, hội nghị khoa học các cấp (cấp Bộ trở lên 5 điểm)	Tối đa 5				
B.4	**Mức độ hoàn thành các khoản lệ phí đúng hạn (tối đa 5 điểm)**	**5**				
B.4.1	Lớp có tỷ lệ sinh viên hoàn thành đúng hạn đạt ≥ 90%	5				
B.4.2	Lớp có tỷ lệ sinh viên hoàn thành đúng hạn đạt ≥ 80% đến cận 90%	4				
B.4.3	Lớp có tỷ lệ sinh viên hoàn thành đúng hạn đạt ≥ 60% đến cận 80%	3				
B.5	**Công tác BHYT và chăm sóc sức khỏe (tối đa 5 điểm)**	**5**				
B.5.1	Lớp có tỷ lệ sinh viên tham gia đúng hạn đạt ≥ 90%	5				
B.5.2	Lớp có tỷ lệ sinh viên tham gia đúng hạn đạt ≥ 80% đến cận 90%	4				
B.5.3	Lớp có tỷ lệ sinh viên tham gia đúng hạn đạt ≥ 70% đến cận 80%	3				

B.6	**Kết quả đánh giá điểm rèn luyện sinh viên (5 điểm)**	**5**				
B.6.1	Lớp có tỷ lệ sinh viên đạt ĐRL từ 65 điểm trở lên ≥ 90%	5				
B.6.2	Lớp có tỷ lệ sinh viên đạt ĐRL từ 65 điểm trở lên ≥ 70% đến cận 90%	4				
B.6.3	Lớp có tỷ lệ sinh viên đạt ĐRL từ 65 điểm trở lên ≥ 60% đến cận 70%	3				
B.7	**Tác vụ khác**	**5**				
B.7.1	Sinh hoạt lớp đúng lịch theo TB của Nhà trường	5				
B.7.2	Có sáng kiến đổi mới nghiệp vụ GVCN được Hội đồng đánh giá của Nhà trường công nhận	3				
C. PHẦN TRỪ ĐIỂM						
C.1	Sinh hoạt lớp muộn	-5				
C.2	Bỏ sinh hoạt lớp	-20				
C.3	Không nộp các biên bản theo thông báo quy định (tính cho mỗi biên bản	-5/bb				
C.4	Thiếu/nộp muộn một trong các tác vụ ở mục A	-5/tác vụ				
TỔNG CỘNG (tối đa 100 điểm)						

Điểm kết luận của đơn vị:.....Bằng chữ:.....

Điểm kết luận của Hội đồng trường:.....Bằng chữ:.....

Hoàn thành nhiệm vụ: 65đ trở lên

Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 75đ trở lên

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 85đ trở lên

Đề nghị tặng giấy khen: 90đ trở lên và không có điểm trừ.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM HIỆU **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ** **CHỦ NHIỆM LỚP**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 297 /TB-MĐC	*Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2025*

THÔNG BÁO

V/v triển khai một số tác vụ liên quan đến công tác Giáo viên chủ nhiệm năm học 2024 - 2025

Kính gửi:

- Phòng Đào tạo Đại học;
- Các khoa quản lý sinh viên;
- Ban chủ nhiệm các Bộ môn quản lý sinh viên;
- Giáo viên chủ nhiệm.

Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-MĐC ngày 31/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về Giáo viên chủ nhiệm.

Thực hiện kế hoạch năm học 2024 - 2025;

Để kịp thời chuẩn hóa điểm rèn luyện cho sinh viên cuối khóa và chuẩn hóa danh sách lớp quản lý sinh viên theo lớp chuyên ngành mới thành lập (được cập nhật đến hết học kỳ 1 năm học 2024 - 2025).

Nhà trường đề nghị các Khoa quản lý sinh viên, Ban chủ nhiệm các Bộ môn quản lý sinh viên, Giáo viên chủ nhiệm các lớp phối hợp cùng Phòng Đào tạo Đại học Phòng Công tác chính trị - sinh viên thực hiện công việc cụ thể sau:

1. Các khoa quản lý sinh viên

- Rà soát, bàn giao danh sách lớp quản lý sinh viên theo các chuyên ngành tương ứng với số liệu tái cấu trúc mới nhất (nếu có) tính đến hết học kỳ 2 năm học 2024 - 2025 gửi phòng Đào tạo Đại học để cập nhật lên hệ thống quản trị của Nhà trường.

- Đề xuất giáo viên chủ nhiệm (GVCN) tương ứng với danh sách các lớp quản lý sinh viên theo chuyên ngành để thực hiện điều chỉnh công tác lớp QLSV (bắt đầu từ học kỳ 1 năm học 2025 - 2026).

- Chỉ đạo Giáo viên chủ nhiệm các lớp sinh viên cuối khóa (đã/chuẩn bị BVTN trong học kỳ 2 năm học 2024 - 2025) thực hiện sinh hoạt lớp sớm **theo hình thức trực tuyến**. Thời gian sinh hoạt lớp do GVCN chủ động bố trí vào thời gian phù hợp của tuần dự trữ của học kỳ 2 năm học 2024 - 2025.

Sau thời gian sinh hoạt lớp 1 tuần các khoa thực hiện các công tác bàn giao các số liệu liên quan đến sinh hoạt lớp như: Biên bản sinh hoạt lớp, thống kê về tình trạng học tập, các vấn đề cần phối hợp xử lý liên quan đến đào tạo cho phòng Công tác chính trị - sinh viên để phục vụ công tác quản trị theo quy định hiện hành.

2. Giáo viên chủ nhiệm các lớp sinh viên

2.1 Các lớp cuối khóa

+ Thực hiện sinh hoạt lớp để chấm điểm rèn luyện cho các SV đã/chuẩn bị BVTN trong học kỳ 2 năm học 2024 - 2025, các mục/nội dung liên quan đến kết quả học tập của sinh viên lấy điểm BVTN (nếu có) được cập nhật đến ngày sinh hoạt lớp;

+ Với các sinh viên chưa BVTN hoặc còn đang có tiến trình học tập trong học kỳ 2 năm học 2024 - 2025 tiến hành chấm điểm rèn luyện như bình thường, các mục liên quan đến kết quả học tập xin để trống, chuyên viên văn phòng các khoa sẽ cập nhật sau theo kết quả học tập học kỳ của sinh viên;

+ Thực hiện điền các thông tin cập nhật có liên quan đến lớp QLSV theo QR/link đính kèm.

2.2 Với các lớp sinh viên còn lại

+ Thực hiện rà soát thông tin của lớp QLSV theo phân công (đặc biệt chú trọng các lớp chuyên ngành mới được tái cấu trúc);

+ Cập nhật các thông tin sai sót (nếu có) của lớp QLSV vào QR/đường link để các phòng chức năng phối hợp cùng xử lý.

3. Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Công tác chính trị - sinh viên

- Phòng Đào tạo Đại học, phòng Công tác chính trị - sinh viên thực hiện cập nhật dữ liệu lớp quản lý sinh viên, danh sách giáo viên chủ nhiệm tương ứng với lớp chuyên ngành lên hệ thống phần mềm EduSoft và tiến hành các điều chỉnh tương ứng nếu có thay đổi.

- Cập nhật điểm rèn luyện (với các SV đã BVTN) để phục vụ công tác xét tốt nghiệp.

Link: https://forms.office.com/Pages/ResponsePage.aspx?id=K9ZSyDIw3EyWqzDkNo-r1ykf9sX8-cBPn2fRU4zO8E1UMDk4SEhKQlNNVkpMV0FES1NPT1JUQ0ExRy4u

QR:

QR kê khai thông tin SHL:

Đề nghị Ban chủ nhiệm các Khoa quản lý sinh viên, Ban chủ nhiệm các bộ môn quản lý sinh viên, Giáo viên chủ nhiệm phối hợp thực hiện nghiêm túc nội dung thông báo này.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- HUMG E-OFFICE;
- Lưu: HCTH, CTSV(03).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Triệu Hùng Trường